TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: **16**/2020/HS - ST
Ngày: 18/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Ông Nguyễn Văn Chương***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1.Ông Trương Văn Minh***

2. Ông Nguyễn Anh Đức

Thư ký phiên tòa: ***Bà Phạm Thị Trang*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Duy Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2020/TLST - HS ngày 22/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST - HS ngày 05/02/2020 đối với bị cáo:

LÊ VĂN T, sinh năm 1991; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn S, xã T, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L, con bà Lưu Thị C; Có vợ là Nguyễn Thị X và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Danh, chỉ bản số 0442 lập ngày 11/10/2019 tại Công an huyện Thanh Trì; Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an thành phố Hà Nội (có mặt).

Bị hại: Anh Lê Đình H, sinh năm 1992. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Đội 11, thôn S, xã T, huyện T, Hà Nội (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn H, sinh năm 1975. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Đội 4, thôn L, xã N, huyện T, Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/07/2018, Lê Văn T đến nhà anh Nguyễn Văn T (sinh năm: 1993), ở thôn P, xã H, huyện H, Hà Nội để chơi. Tại đây, T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe máy của anh Lê Đình H (sinh năm: 1992; HKTT: thôn S, xã T, huyện T, Hà Nội) để lấy tiền ăn chơi, tiêu sài cá nhân. Thực hiện ý định trên, T gọi điện rủ anh H đến nhà anh T để chơi. Anh H đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave α BKS: 29M1 - 383.xx đến nhà anh T. Khi anh H đến, T liền hỏi mượn anh H xe mô tô để đi mua bia, để chiếm đoạt chiếc xe này của anh H. Anh H tin tưởng T hỏi mượn xe để đi mua bia nên anh H đã đồng ý giao xe cho T. Sau khi lấy được xe mô tô BKS: 29M1 - 383.xx của anh H, T điều khiển xe mô tô đi ra cánh đồng thôn P, ngồi chơi ở đó để chờ anh H bỏ về nhà. Tiếp đó, T chặn số điện thoại của anh H, để anh H không liên lạc được với T. Đến 17h30' cùng ngày, anh H vẫn chưa thấy T quay lại nên nhờ anh T chở về nhà. Sau khi chở anh H về, anh T đi về nhà. Đến khoảng 19h30' cùng ngày, anh Nguyễn Văn T (Sinh năm: 1976; HKTT: thôn L, xã K, huyện T, Hà Nội) đến nhà anh T chơi. Cùng trong thời gian này, T điều khiển xe mô tô đã chiếm đoạt được của anh H quay về nhà anh T thì gặp anh T và anh T. T hỏi anh T và anh T nơi có thể nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 29M1 - 383.xx. Anh T nói với T có người quen nhận cầm cố chiếc xe trên. Sau đó, anh T dẫn T và anh T đi đến nhà anh Lê Văn H (Sinh năm: 1975), ở đội 4, xã L, xã N, huyện T, Hà Nội để cho T cầm cố xe. Khi đến nơi, T hỏi vay anh H số tiền 4.000.000 đồng, trong thời hạn 01 tuần và để lại chiếc xe mô tô BKS: 29M1 - 383.xx của gia đình T cho anh H, để làm tin cho việc trả nợ. Anh H đồng ý và yêu cầu T viết giấy vay tiền. T viết giấy vay tiền được một số câu, từ nhưng viết chậm nên T nhờ T viết một số câu, từ còn lại. T đồng ý và cùng T viết và ký tên trên giấy vay nợ. Viết xong, T đưa giấy vay tiền cho anh H và anh H đã đưa cho T số tiền 4.000.000 đồng theo thỏa thuận. Sau khi cầm cố xe xong, T, anh T, anh T đi về. Số tiền cầm cố được, T đã ăn tiêu hết. Anh H, cùng gia đình nhiều lần đến nhà T để yêu cầu trả lại xe nhưng T bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Đến ngày 04/9/2018, bà Nguyễn Thị T (Sinh năm: 1965; HKTT: xã T, huyện T, Hà Nội; mẹ đẻ của anh H) đến nhà chị Nguyễn Thị Thu T (Sinh năm: 1989, ở thôn N, xã Đ, huyện T, Hà Nội thì gặp T tại đây. Bà T yêu cầu T đến trụ sở Công an xã T để giải quyết và trình báo Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Trì. Cùng ngày, anh Lê Văn H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe mô tô BKS: 29M1 - 383.xx và 01 tờ giấy (nội dung: Lê Văn T vay của anh Lê Văn H 4.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô BKS: 29M1 - 383.xx để làm tin. T cam kết trong thời gian 01 tuần sẽ trao trả lại anh H số tiền trên.)

Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Trì đã trưng cầu định giá đối với chiếc xe mô tô BKS: 29M1 - 383.xx và trưng cầu giám định đối với tờ giấy do anh H giao nộp. Tại bản kết luận định giá tài sản số 198/KLĐG ngày 17/09/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự - huyện Thanh Trì kết luận: 01 chiếc xe máy HONDA Wave α có giá trị là 11.903.700 đồng. Tại bản kết luận giám định số 7375/KLGĐ-PC09-Đ4 ngày 25/11/2019 của Phòng KTHS-CATP Hà Nội kết luận: Chữ viết có nội dung: "xã hội - chủ nghĩa", "Lê Văn T", "tôi có vay.!

của anh..Lê Văn H với số tiền, Là:. bốn chiệu đồng 4000000 có để Lại chiếc se", "tôi có Hẹn: anh Lê Văn H một: tuần:"; chữ ký dạng viết tên "T", chữ viết dòng họ Lê Văn T (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Văn T trên cá mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết và ký ra. Chữ viết có nội dung: "Cộng Hòa", "Việt Nam Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc", "Tên tôi là", HA NỘI Ngày: 16/07/2018", "SN:1991 Quên Quán: Xã tả thanh oai thanh Trì Hà Nội", "Wave A Màu trắng", "BKS: 29M1.383.xx SK: 01214DY5010xx", "Qua thời gian trên tôi không hoàn trả anh Lê Văn H. với số tiền trên. tôi xin hoàn toàn chịu trước pháp luật.", "Người làm Trứng: Nguyễn Văn T Nguyễn Văn T" trên mẫu cần giám định (ký hiệu là A) với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T trên các mẫu so sánh (ký hiệu M5, M6) là do cùng một người viết ra.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, T còn khai: Trước khi thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh H, T có bàn bạc với anh T và anh T cũng thống nhất với T để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Anh Nguyễn Văn T khai: Anh T không bàn bạc với T về việc lừa đảo chiếm đoạt xe máy của anh H. Anh T biết T mượn xe mô tô của anh H nhưng không biết rõ thỏa thuận mượn xe giữa anh H và T cụ thể như thế nào, không biết anh H có đồng ý cho T cầm cố chiếc xe mô tô nói trên hay không. Anh T nghĩ rằng sau khi cầm cố xe của anh H, T sẽ có trách nhiệm lấy lại xe và trả lại cho anh H theo như thỏa thuận với anh H nên đã cùng T cầm cố chiếc xe nói trên. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được Cơ quan điều tra không đủ căn cứ kết luận anh Nguyễn Văn T đồng phạm với Lê Văn T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Hùng, cũng như có hành vi vi phạm tội phạm khác nên Cơ quan CSĐT - Công huyện Thanh Trì không xử lý.

Đối với anh Lê Văn H và anh Nguyễn Văn T không biết chiếc xe mô tô BKS: 29M1- 383.xx là do T phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Trì không xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 29M1-383.xx, qua điều tra xác định thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ của anh H) nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Trì đã trao trả bà T chiếc xe mô tô nói trên. Sau khi nhận lại tài sản, bà T không có yêu cầu đề nghị gì.

Về dân sự: Anh Lê Văn H yêu cầu Lê Văn T phải trả lại anh H số tiền 4.000.000 đồng, mà T đã vay khi cầm cố tài sản.

Bản cáo trạng số 230/CT - VKS - TT ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì đã truy tố bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà:

* Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng. Bị cáo đồng ý trả cho anh Lê VĂn H số tiền 4.000.000 đồng bị cáo vay của anh H. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đã

thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình bị cáo có nhiều khó khăn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử : Áp dụng khoản 1 Điều 174 ; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 10 đến 16 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về dân sự: Buộc bị cáo trả cho anh Lê Văn H số tiền 4.000.000 đồng bị cáo vay của anh H.

* Người bị hại là anh Lê Đình H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản có đủ cơ sở xác định: Ngày 16/7/2018, tại thôn P, xã H, huyện T, Hà Nội, Lê Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của anh Lê Đình H 01 chiếc xe mô tô BKS: 29M1 - 383.xx có giá trị 11.903.700 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 01 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý. Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân, do đó cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo. Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo đảm trật tự trị an xã hội cần phải nghiêm trị, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo lần đầu phạm tội, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015: *«Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"* . Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Bị cáo vay của anh Lê Văn H số tiền 4.000.000 đồng đến nay chưa trả được, anh H yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền này là có căn cứ nên cần buộc bị cáo trả nợ cho anh H 4.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[9] Về những vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với anh Nguyễn Văn T: Cơ quan điều tra xác định không có căn cứ kết luận anh T đồng phạm với T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh H, cũng như có hành vi phạm tội khác nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Trì không xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với anh Lê Văn H và anh Nguyễn Văn T không biết chiếc mô tô BKS: 29M1 - 383.xx là do T phạm tội mà có, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Trì không xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS: 29M1-383.xx, qua điều tra xác định thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ của anh H), Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Trì đã trao trả bà T chiếc xe mô tô nói trên, sau khi nhận lại tài sản, bà T không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: ***Bị cáo Lê Văn T phạm tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản».***

2. ***Áp dụng điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.***

Xử phạt : Bị cáo Lê Văn T **10 (Mười)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt theo Lệnh truy nã 10/10/2019.

3. Về dân sự : Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 : Buộc bị cáo phải trả cho anh Lê Văn H 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả hết số tiền phải trả thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự bồi thường.

5. Về quyền kháng cáo : Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân H. Thanh Trì, TP Hà Nội;*
- *Công an huyện Thanh Trì, TP Hà Nội;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự H.Thanh Trì, TP Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H. Thanh Trì, TP Hà Nội;*
- *Trại tạm giam số 02 - Công an TP Hà Nội;*
- *Bị cáo.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương